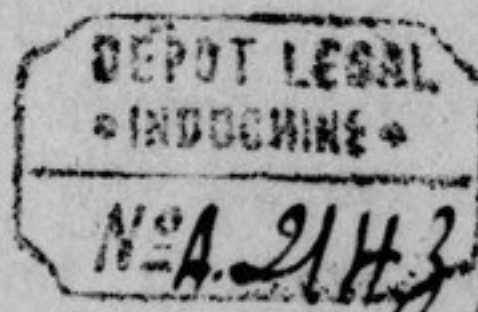


ĐẠI VIỆT

TẬP CHÍ

REVUE BI MENSUELLE PARAISSANT LE 1^{er} ET LE 16 DE CHAQUE MOIS
(Autorisé par arrêté du Gouverneur Général N° 500-N du 17 Juillet 1942)

Giám-đốc : **HỒ-VĂN TRUNG** *



MỤC LỤC

- 1— Thân thể và sự nghiệp cụ Thủ-khoa B.H.-Nghĩa **ĐỖ VĂN-Y**
- 2— Gia-định tam hùng : Võ-Tánh **LÊ-THỌ-XUÂN**
- 3— Cũng lời trời của cụ Phan thanh-Giản. **PHƯƠNG LAN** nữ-sĩ
- 4— Gốc tích người Việt-Nam (tiếp theo). **LÊ-CHÍ-THIỆP**
- 5— Văn-minh thời lỗi cổ (tiếp theo **THANH-TÂN**
- 6— Hoành, Trầm (tiếp theo). **THƯỢNG-TÂN-THỊ**
- 7— « Rương vàng của con tôi » **TRƯƠNG-VĨNH-TỔNG**
- 8— Ái-tình Miếu (tiểu-thuyết) **HỒ BIỂU-CHÁNH**



Bao-quan : 5, rue de Reims Saigon — Gia moi so 0 \$ 40



ĐẠI VỊT TẬP CHÍ

REVUE DE MÉTHODES D'ENSEIGNEMENT ET DE RECHERCHE
(Auteurs pour cette édition: GUY DE M. 1907 et 17 autres 1912)

HO-VAN TRUNG *

MỤC LỤC

1. Một số bài về phương pháp dạy và học ở trường tiểu học và trường trung học
2. Giáo dục công dân ở trường tiểu học và trường trung học
3. Các bài về công tác của giáo viên và học sinh ở trường tiểu học và trường trung học
4. Các bài về công tác của giáo viên và học sinh ở trường tiểu học và trường trung học
5. Các bài về công tác của giáo viên và học sinh ở trường tiểu học và trường trung học
6. Các bài về công tác của giáo viên và học sinh ở trường tiểu học và trường trung học
7. Các bài về công tác của giáo viên và học sinh ở trường tiểu học và trường trung học
8. Các bài về công tác của giáo viên và học sinh ở trường tiểu học và trường trung học
9. Các bài về công tác của giáo viên và học sinh ở trường tiểu học và trường trung học
10. Các bài về công tác của giáo viên và học sinh ở trường tiểu học và trường trung học

THÂN-THỂ VÀ SỰ-NGHIỆP CỦA CỤ THỦ-KHOA BÙI-HỮU-NGHĨA (1)

Bàm quan Chủ lĩnh,
Thưa quý ông, quý bà,



Ó I chuyện về cụ thủ khoa Bùi hữu Nghĩa một nhà văn lỗi lạc về thế kỷ thứ 19 là một trách nhiệm rất nặng nề. Người học ít tài nên như tôi mà đảm đương trách nhiệm ấy tôi cũng tự nhận là đường đột lắm. Nhưng tôi thầm nghĩ rằng đối với một bậc tiền bối như cụ thủ khoa, mỗi người quốc dân đều có một nghĩa vụ. Nghĩa vụ ấy là phải nhắc nhở đến thình danh và sự nghiệp cụ cho đời sau, vì chúng tôi trộm thấy dường như tên tuổi cụ đã lu mờ trong kỷ ức của đa số đồng bào.

Vì nghĩ thế tôi không ngại bất tài, mạo muội lên diễn đàn hôm nay, mục đích là để tỏ lòng kính phục một bậc danh sĩ đã có công lớn với nền văn học nước nhà và luôn dịp để nhắc nhở đến tên cụ giữa quý ngài.

Quý ngài đến dự cuộc nói chuyện này, tôi biết rằng không phải là vì cái giá trị cổ hủ của diễn giả mà là do ở tấm lòng thành kính của quý ngài đối với một bậc nhân tài hiếm có của đất nước.

Thưa quý ông, quý bà,

Ở xứ ta hiện nay, việc sưu tập tài liệu về văn chương, về thân thể của các bậc tiền bối là một việc rất khó khăn. Ấy là bởi trước thế kỷ 20, nghề ấn loát của ta vẫn còn thuộc vào thời kỳ ấu trĩ. Những tác phẩm hay thường chép tay và truyền khẩu. Lâu ngày hoặc thất lạc hoặc có người còn nhớ thì nhớ không trọn bài, chỗ nhớ chỗ quên. Lại nữa tác phẩm ấy toàn là bằng chữ nôm, mà chữ nôm vì không có căn nhứt định nên kẻ đọc vậy người đọc khác, thành ra cũng một bài thì một bài văn mà vì lẽ tam sao thất bản nên hóa ra 10 bài khác nhau đến bây giờ không biết bài nào là nguyên văn.

(1) Bài diễn văn của ông Đỗ văn Y soạn ra để đọc trong cuộc lễ kỷ niệm cụ Thủ khoa do hội Khuyến học Cần Thơ tổ chức.

Riêng về văn phẩm của cụ thủ khoa cũng không khỏi cái thông lệ ấy. Thậm chí có bài sách này thì cho là của cụ thủ khoa mà sách khác thì cho là tác giả khác.

Vì thế mà trong việc sưu tập tài liệu ta phải dè dặt là dường nào.

Nguồn gốc tài liệu đã không được chắc chắn như thế thì dấu nhà trước-tác hay nhà diễn-giả có sai lầm ít nhiều, xin qui ngài cũng rộng lượng mà châm chể cho.

Những sách mà tôi đã tham khảo là quyển « Văn chương và lịch sử của cụ Thủ-khoa Nghĩa » của ông Nguyễn văn Nghĩa và quyển « Kim thạch kỳ duyên » do ông giáo sư Paul Midan dịch ra pháp văn và do Đông-Dương học hội xuất bản. Sau khi tham khảo sách ấy rồi tôi có đến tận làng Long-tuyền dò hỏi lại người cháu nội cụ Thủ-khoa là ông Bùi hữu Chí và vài ông kỳ lão ở Long-tuyền và ở Cầntho, thì mấy ông có cho tôi thêm một mớ tài liệu mới.

Theo tài liệu trên thì cụ Thủ-khoa Bùi hữu Nghĩa hiệu Nghi-Chi sanh năm Đinh-mão (1807) nhằm năm Gia Long thứ 6, tại làng Long-uyên (Bình-thủy) phủ Vĩnh-định, trước thuộc trấn Vĩnh-Long sau thuộc tỉnh An Giang.

Con một người làm nghề hạ bạc. Bùi-hữu-Nghĩa lúc nhỏ đeo đuổi theo Hán-học. Tư chất thông minh, trò Nghĩa học ở Bình-thủy trong ít năm đã thấy trội hơn chúng bạn, ông thân sanh trò là ông Bùi-hữu-Vi bèn cho trò lên Biên-hòa, tá túc nơi nhà ông Nguyễn-văn-Lý, bạch đảm hộ trưởng ở làng Mỹ-khánh, tổng Chánh-mỹ-thượng, dâng tiệp bề thọ giáo với ông Đồ-Hoành.

Ở đây ngay đêm tro học tập rất chăm nom chẳng bao lâu đã thông suốt năm kinh bốn truyện.

Gặp lúc giặc Lê-văn-Khôi vừa giếp yên, triều đình mở khoa thi ở Giadịnh năm Ất-vị (1835) trò Bùi-hữu Nghĩa bèn vào ứng thí, đậu được giải nguyên.

Khi nghe xướng danh « Vĩnh-định, Bình-thủy Bùi-hữu-Nghĩa đậu giải nguyên ». Bùi-hữu-Nghĩa rất hân hoan, vội vã đem tin mừng về cho ông hội trưởng hay. Ông hội trưởng thiết tiệc thết đãi cậu cử tân khoa, và nhân dịp ông ngỏ ý muốn đưa người con gái đầu lòng của mình là Nguyễn-thị-Tồn kết duyên với cậu cử. Cậu cúi đầu cảm ơn ông hội trưởng và xin về thưa lại với cha mẹ rồi sẽ tính đến việc hôn nhân. Liền đó ông hội trưởng cho ghe đưa cậu thủ khoa về Bình thủy.

Theo lệ, thi hương đậu rồi phải ra thi hội, nên đến kỳ thi

bội, cậu cứ ra Thừa thiên dự thi. Cậu thi hội không đậu, nhưng cậu đủ phân số, nên được bổ vào tập sự bộ Lễ để chờ kỳ thuyên bổ.

Năm ấy nhằm kỳ tế Nam-Giao, cậu cứ được chọn làm học trò lễ. Quan lễ bộ thượng thư làm tướng lễ. Cậu cứ trước hết xưng « *Sơ hiến lễ* » rồi, kế đó, đang lễ phải xưng « *Á hiến lễ* », nhưng cậu vô ý lại xưng « *Sơ . . .* » vua đang quì tế nghe cậu cứ xưng lầm như vậy bèn ngo quan lễ bộ mà sắc mặt có ý không vui, cậu cứ trông thấy biết mình lầm rồi, liền xưng tiếp rằng : « *Sơ hiến lễ dĩ thành, thỉnh hành á hiến lễ* ». Vua nghe cậu cứ xưng sửa lại như thế, sắc mặt đổi buồn ra vui. Cuộc tế lễ xong, vua khen cậu cứ là người thiệp liệp và có tặng cho vàng bạc.

HOẠN LỘ CỤ THỦ KHOA

Tập sự ở bộ lễ được ít lâu, cụ được chiếu bổ đi nhậm chức Tri huyện ở phủ Phước-long, tỉnh Biên-hòa. Ở đây cụ làm lễ cưới bà Nguyễn-thị-Tồn, lệnh ái ông họ-trưởng.

Sau lại có lệnh thuyên bổ cụ đi nhậm chức Tri huyện tại phủ Trà-vang thuộc tỉnh Long-hồ.

Ở Trà-vang, một ngày kia, cụ đương ngồi nơi công đường, thoạt thấy một cậu thiếu niên cỡi ngựa chạy ngang qua dinh mà không xuống ngựa cũng không cất mũ. Cụ cho lính ra đòi cậu vô lễ ấy. Khi đến giữa công đường, cậu nhỏ này cũng vẫn tỏ ra bộ nghênh-ngang. Cụ hỏi : « *Này thằng kia, sao người đi ngang qua dinh mà không xuống ngựa và không cất mũ. Người đã phạm vào tội khinh mạng triều đình, người có biết không ?* »

Cậu kia đáp : « *Tôi không có tội gì cả. Tôi là em vợ của quan bố. Quan bố sai tôi đi việc gấp, tôi không xuống ngựa vì e trễ việc của quan bố* ».

Cụ nghe trả lời vô lễ, cụ truyền lính đem căng nọc đánh đòn. Cậu kia lật đật quì gối bẩm : « *Xin quan lớn vị tình anh rề tôi, dung tha tôi một phen* ».

Cụ không nghe, truyền lính cứ thi hành mạng lệnh, lại nói rằng :

« *Này thằng kia, ta phạt chú mày năm roi vì tội khinh mạng triều đình, lại phạt năm roi nữa gởi về bố Truyền về tội không biết dạy em vợ trong nhà* ».

Cậu công-lữ về học lại việc này với vợ chồng bố Truyện, bố Truyện cảm hờn...

Vài năm sau, một người khách thấy ở sông Trà-vang, nơi Láng-thé có cá nhiều, muốn mua thủy lợi mà không được vì thủy lợi nơi Láng-thé về phần của người thổ đã lâu rồi.

Nguyên thuở trước, Đức Cao-Hoàng khi bị giặc Tây sơn đánh đuổi, nhờ người thổ ở Trà-vang kẻ từng quân, người giúp của. Nên khi bình định rồi Ngài nhớ ơn xưa có ban xuống một đạo chiếu chỉ miễn thuế thủy lợi ở Láng-thé cho người Thổ ấy. Từ đó về sau, không ai được quyền xâm phạm đến rạch Láng-thé.

Người khách kia mới toan dùng của lo với quan tổng-dộc Trương-văn-Uyên và bố chánh Truyện là quan đầu tỉnh Long hồ, quyết mua thủy lợi rạch Láng-thé cho được. Hai quan này được của hối lộ nhiều nên a-ý cùng nhau bán thủy lợi ấy cho tên khách.

Chủ khách mua được thủy lợi rồi liền cho người đến đắp đập, xây rọ.

Bọn thổ thấy vậy không biết tính sao, bèn đến thưa với quan huyện.

Quan huyện Bùi-hữu-Nghĩa vốn là người cương trực liền phân với bọn thổ rằng :

« Rạch Láng-thé thuở giờ được đức Cao-Hoàng tha thủy lợi vĩnh viễn cho các người, thì các người cứ việc chiếm hưởng lấy. Nay, nếu có ai lớn hơn đức Cao-Hoàng phê châu tự bán rạch ấy thì các người phải cam chịu, còn nếu ai nhỏ hơn đức Cao-Hoàng mà tự mình bán rạch ấy thì dầu có chém đầu nó cũng vô can. »

Bọn thổ nghe quan huyện xử như vậy lấy làm vui mừng. bèn hỏ, kéo rốc ra rạch bừa đập phá rọ tan hoang.

Bọn khách bên kia ý mình có giấy tờ đủ, không nể, áp ra ấu dả với bọn thổ. Đánh nhau trời giờ, bên bọn khách có 7-8 người bị chém chết.

Bọn khách liền lên tỉnh phi báo. Quan tổng đốc lập tức phái quan quân đi bắt bọn thổ về giam tra.

Bọn thổ là người thật thà không biết lấy lời chi mà đối nại nên chỉ khai rằng :

« Việc chệt đắp đập, xây rọ ở rạch Láng-thé, chúng tôi có thưa với ông huyện thì ông biểu chúng tôi cứ việc bừa đập phá rọ. Chúng tôi làm theo lời ông, bị bọn chệt áp ra đánh, chúng tôi mới chém chúng nó. Ông huyện cũng có nói : « Có

chém đầu nó cũng không sao.»

Nghe lời cung khai, các quan tỉnh tức tốc xuống Trà-vang bắt cụ thủ khoa giải về tỉnh và liền đó thượng sớ về kinh cáo cụ thủ khoa về tội liên can giết người.

Thấy việc chẳng lành, bà thủ khoa nhứt định phải ra Huế minh oan, họa may mới có thể gỡ tội cho chồng được. Về chuyện này, có người nói rằng : một mặt, bà sửa sang hành lý, một mặt bà cậy quan Kiệm (em bạn dì của cụ thủ khoa) lo việc đoạt chiếu ở Huế gửi vô. Ông quan Kiệm nghe lời, lần la giao thiệp với linh trạm, dãi linh trạm uống rượu say, rồi dõ ống tre ăn cắp tờ chiếu của vua dạy xử hình cụ thủ khoa, mà giấu đi. Tờ chiếu đó giấu được, cụ thủ khoa mới khỏi bị đem ra pháp trường và bà thủ khoa mới có đủ ngày giờ ra tới kinh đô minh oan cho cụ.

(Có người lại nói khác rằng : ngày các quan tỉnh Vĩnh-long công đồng tuyên án, cụ thủ khoa đứng lên xin các quan cho phép coi cái án của mình. Tay cầm án, cụ bước ra chỗ sáng mà đọc. Đọc rồi xếp lại. Thừa dịp người ta không để ý, ông quan Kiệm nhảy tới đoạt bốn án chạy-mất).

Theo thiên ý, 2 thuyết trên đây đều không đúng với sự thật cả.

Vì rằng bốn án kết tội cụ thủ khoa, quan tỉnh phải gửi về kinh. Khi vua xem rồi thì phủ cho bộ hình và ty tam pháp thẩm định.

Việc thẩm định ít lắm cũng phải 5, 7 tháng mới rồi. Thế thì trong thời gian ấy bà thủ-khoa có dư ngày giờ ra Huế mà minh oan. Cần chi phải trộm chiếu, cần chi phải đoạt án ?

BÀ THỦ-KHOA MINH OAN TAM PHÁP

Công việc đoạt chiếu chỉ đã xong, bà thủ-khoa liền xuống Mỹ-tho, kiếm ghe bầu, quâ giang ra Huế. Ra tới nơi, bà tìm tới dinh quan lại bộ thượng thư Phan-thanh-Giản mà tỏ bày sự hàm oan của cụ thủ khoa, sự lộng quyền của các quan tỉnh Vĩnh-long và tỏ ý mình muốn tới ty tam pháp mà minh oan. Quan lại bộ thượng thư vui lòng chỉ biểu đường đi nước bước cho bà và làm cho bà một tờ trạng tố mọi nỗi khúc oan. Bà học thuộc lòng tờ trạng rồi một buổi sáng kia, bà đến chỗ để trống đèn, gióng lên ba hồi làm náo động cả trong cung ngoài thự.

Nghe trống loạn đã, vua lâm triều, hội đình thần. Ban ra ban thước lụa trời bà rồi đòi vào bài yết.

Bà vào quì xuống chính giữa đền, đầu đội trạng bạch, tể

trần các nỗi oan ức của ông Bùi thủ khoa cho vua nghe, lời lẽ phân minh, cả triều ai trông thấy cũng đau lòng. Nghe lời biện bạch của bà rồi, đức Từ-Đức phú việc đó cho bộ hình thẩm định. Bộ hình lãnh mạng, lấy lời cung chiêu, thẩm định minh bạch, rồi tuyên án cụ thủ khoa như vậy :

« Tha cho Bùi thủ khoa khỏi tử hình, song phải quân tiền hiện lục, đại tội lập công ».

Bấy giờ, đức Từ-Dủ, Nghi-thiên-chương Hoàng hậu, người quán làng Tân-Niên, hạt Gò công, nghe tin có người đàn bà trong Đồng-Nai ra tam pháp minh oan cho chồng, thì có lòng cảm mến. Đức-Bà truyền chỉ đòi bà thủ khoa vào dần kiến. Bà thủ khoa vâng mạng vào hầu. Đức Thái hậu khen và cô ban cho một tấm biển đề bốn chữ vàng :

« LIỆT PHỤ KHẢ GIA »

Bà được vợ các quan ở thần kinh mến đức, cảm ở lạ thết đãi tử tế. Sau bà về ninh gia tại Biên-hóa, rồi thọ bình tại thế nơi đó. Khi bà quá vãng, không có cụ thủ khoa ở nhà; cụ mắc đi trấn nhậm ở Châu-đốc. Phải quân bà lại rất lâu, mãi tới sau, cụ mới về, làm văn tế đọc rồi đem an táng. Đám táng bà rất long trọng. Xóm giềng đến dự đám rất đông.

Mộ của bà pay hầy còn, ở tại làng Tân hiệp, tổng Chánh mỹ thương, tỉnh Biên-hóa.

(Về đoạn trên đây, có người nói : Khi bà Thủ khoa quá giang ghe bầu, bị người lái ghe là bà Nài làm bức. Vì vậy, khi minh oan ở tam pháp rồi về được ít lâu, bà tự ái, và cũng vì đó sau này hễ ai cường bức đôn bà con gái, người ta gọi là bà Nài. Người khác lại nói : bà quá giang với người bạn với cụ Thủ khoa, làm quan trong Nam có việc về kinh. Giữa đường ông bạn trở lòng làm bức. Bà muốn liều mình cho trọn tiết, nhưng nghĩ lại thương chồng còn đương lao khổ trong ngục hình. Bà nghĩ thế nên nhậu nhục, để ra Huế minh oan cho chồng. khi cụ Thủ-khoa khỏi tội về nhà, bà nghĩ mình không trọn tiết bèn ra sau vườn treo mình tự ái).

Cái giả thuyết tự ái này hẳn là không đúng, vì ta chỉ đọc đôi liên thơ của chính mình cụ Thủ-khoa viết ra : « Khanh chỉ bình ngả bất đắc dưong »... thì thấy rõ rằng bà mang bệnh mà thác.

(Còn nữa)

ĐỖ-VĂN-Y

GIA-ĐÌNH TAM HÙNG

III. — VÔ-TÁNH



HÀNG mười năm Giáp-thìn (1784), quân tướng Tây-sơn đương reo mừng vì đã hạ được cọp gấm thứ hai là Châu-văn-Tiếp. Nhưng cũng trong năm Giáp-thìn này, cọp gấm thứ ba đã lù lù hiện ra ở vùng Kiến-hòa tại chỗ gọi là Gò Không-lước (Gò công). Đây còn ai khác hơn vị anh hùng minh đạt hơn người, trí dũng xuất chúng, họ Vô tên Tánh, con ruột của xứ Đồng-nai.

Nay, tình cờ bạn đến Phú-nhuận (Giađịnh), đi quanh độ vài trăm thước, bạn sẽ thấy một ngôi mộ cổ dưới ba cội thông già. Đó là mộ của Hoài quốc công Vô-Tánh do Cai-bạ Đình-công-Khiêm và Cai đội Tôn-thất-Bính vâng thánh chỉ, đem áo mào đến Đồ bàn thành (Bình-định) thâu liệm di hài hoàn táng tại chỗ này từ năm Gia-Long thứ nhứt (1802)

Tiền nhân của Vô-Tánh trước ở tại Phước-tĩnh (Bà Rịa) sau dời về cư ngụ tại huyện Bình-dương, tức là vùng Saigon Giađịnh ngày nay (1). Cho mười tám thôn vườn trầu đất rộng đồng bằng không phải là nơi dụng võ, Tánh bèn tuốt xuống vùng Chợ-gạo - Sơn-qui, làm tiên sản nghiệp lớn lao của Vô-văn-Lượng ở Gò-công (2) mà nuôi hăng hàng muôn sĩ tốt. Tánh gọi đạo binh mình là đạo binh Kiến-hòa, chia làm năm chi năm hiệu và tự lập làm Tổng-nhung.

Lúc bấy giờ, mỗi khi kéo ngang miền này, quân Tây-sơn đều bị đạo binh Kiến-hòa của Vô-Tổng-nhung đánh cho thất điên bát đảo. Vì thế, quân Tây-sơn luôn miệng bảo nhau: « Gia-định có tam hùng mà Vô-Tánh là một, chớ khá động đến ».

Oai danh Vô-Tánh còn bay tuốt đến thành Vọng-các dễ lọt vào tai của Đức Cao-hoàng. Hồi này chúa Nguyễn-Ánh đương ở tại nước Xiêm, vì sau khi Châu-văn-Tiếp chết tại Mân-thất, nhờ có hai chục ngàn binh và ba trăm chiến thuyền của Xiêm.

(1) Vô-Tánh không có qua Vọng các. Xin chớ lầm với Vô-công-Tánh người Biên-hòa, có theo chúa Nguyễn-Ánh qua Vọng-các, sau làm quan Thuộc-nội Cai cơ, rồi vì có mẹ già xin về gần nhà, vua cho coi giữ ba đạo Cần-giờ, Vũng-tàu và Đồng-tranh.

(2) Nay tại châu thành Gò công còn có đền thờ Vô-Tánh.

Ngài kéo lên lấy được thêm hai đồn Ba-rài (Cai-lây) và Trát-tân. Chẳng may Nguyễn-Huê đã tới.

Cũng như Tôn sĩ Nghi bỏ hai chục vạn quân ở thành Thăng-long ôm đầu chạy về Tàu, tướng soái của Xiêm là Chiêu Sương và Chiêu Tăng bỏ cả binh thuyền làm mồi cho Tây sơn tại Rạch Gầm (Mỹ Tho), dặt vài ngàn tàn quân băng bộ theo đường Cao-miên mà chạy về nước. Chúa Nguyễn Ánh đi sau, quay buồm chạy thoát được qua Càntho, vào Cà mau, ra hòn Thỏ Châu, lên Cỏ Cốt rồi thẳng đến Xiêm đô, từng thuyền chỉ được 29 người, từng quân trôm trôm hai trăm với năm chiếc bãi thuyền vồn vện.

Tháng bảy năm Đinh-vi (1787), Ngài từ Xiêm lên về. Đến tháng mười, thua trận ở Mỹ lông giang (nay là rạch Bểtre). Ngài chạy đến Cái-da, gặp Trương tấn Bửu, rồi cùng nhau thẳng xuống Ngao châu (3). Ở đây, Ngài sai Nguyễn đức Xuyên sang Gò công dụ Võ Tánh về hàng. Phải dụ hàng vì Tánh đã không phải là tướng của Ngài mà còn là người thù nữa. Ấy bởi anh Tánh là Võ Nhân bị chúa Nguyễn Ánh giết sau khi Ngài hạ sát Đồ thanh Nhân.

Đến tháng tư năm Mậu thân (1788), Võ-Tánh mới đem đồ dâng đến Nước-Xoáy (Sadéc) bái yết. Chúa Nguyễn-Ánh rất mừng, phong Tánh làm Tiên-phong dinh Tổng nhung Chương-cơ, lại đem em gái là Ngọc Du Công chúa mà gả cho nữa.

Rồi từ đó, khi Ba rài rượt Đồ đốc Minh, khi Càntho trừ Ốc-nha Ốc, khi Ba-thắc bức Thái-bảo Tham, danh Tánh càng ngày càng chói rạng.

Qua năm Quý suu (1793), Nguyễn-vương thân chinh Qui-nhon, phong Tánh làm Khâm-sai Chương-Hậu-quân dinh Bình tây Tham thặng Tướng-quân. Tánh dẫn binh ra đánh lấy Bình-khương (nay là vùng Ninh hòa), thừa thắng đến Xuân đài, đánh La hai rồi thôn phục Phú-yên. Kế Nguyễn-vương ra Thi-nại (nay là Qui-nhon), Tánh đến Bình thành (nay là phủ lý Tuy phước), rồi cùng Tôn-thất-Hội, Nguyễn-văn-Thành kéo tới vây thành Qui-nhon (nay là Đồ bàn cổ thành, bên tháp Cảnh Tiên, Tour de Cuivre).

Liền đó, vì có binh Tây-sơn từ Huế thủy bộ kéo vào cứu-viện, Nguyễn-vương ra lệnh ban sư.

Năm sau (1794), Tánh phụng mạng giữ thành Diên-khánh (Nha-trang). Tướng Tây-sơn là Trần-quang-Diện dẫn quân vào vây rất ngặt. Nguyễn-vương sai Nguyễn-huỳnh-Đức và Nguyễn-

(3) Cái-da thuộc về làng Hiệp hưng tổng Bảo phước, còn Ngao châu gọi nôm là bãi Ngao, bờ biển Batri (đều thuộc tỉnh Bểtre).

văn-Thành ra cứu, nhưng bị Lê-Trung đón giữ không thể tiến binh được. Tây-sơn vây chặt, Võ-Tánh càng cố thủ, quân lính của Tây-sơn càng ra sức công thành, tướng-sĩ của Võ-Tánh càng xuất lực tử chiến. Tánh lại mộ quân cầm tử đề cho vượt vòng vây vào Gia-định báo tin. Chấp kích đội trưởng là Nguyễn-văn-Công làm đầu việc khó khăn này. Nguyễn-vương được biểu, mừng rỡ khen rằng : « Tánh làm tướng như thế thì cò nhơn cũng không bợn được. »

Tháng hai năm Ất-mão (1795), Nguyễn-vương đem quân thủy bộ ra cứu Diên-khánh. Vừa tới cửa Nhatrang, Ngài dạy bắn đại bác cho trong thành hay, đoạn thẳng ra bãi Giã (Chữ-châu) trí quân chặn đường cứu viện của Tây-sơn. Kế đó, Ngài trở vào đánh giải vây. Đến tháng bảy, Diệu triệt vây, do sơn lộ chạy về Qui-nhơn. Nguyễn-vương vào thành khen Tánh rằng : « Diệu là tay kinh địch mà khanh một mình giữ nổi thành này vậy quả « gặp gió dữ mới hay cây cổ cứng ».

Khi ban sư, Ngài dạy Tiền quân Tôn thất Hội trấn thủ Diên khánh thành để Hậu quân Võ-Tánh về Đồng nai ngơi nghỉ. Xét Tánh công dày, Ngài thăng cho làm Khâm-sai Chương Hậu quân Bình Tây Tham-thắng Đại tướng quân và tước Quận-công.

Tháng Chạp năm Bình-thìn (1796), đội Tiền hầu đến Phan trấn thu thuế chiếu, lương gặt bòn xén của dân, Võ-Tánh bàn với Đồng-cung Cảnh tâu xin cấm đi. Đồng-cung đáp : « Việc ấy có nội chỉ, ta sao dám nói ».

Tánh thưa : « Ngươn soái là Trừ-nhi của nước, bọn Tánh là thân thần của nước, hề thấy điều cải bất tiện thì phải tâu lên. Nếu chỉ biết vâng vâng dạ dạ, há còn gọi được là nhà có con biết can. nước có tôi biết gián sao ? Ngươn-soái bằng không tâu thì Tánh và Tiền-quân Hội phải tâu, chẳng dám khớp miệng im hơi mà phụ việc nước. » Vì vậy mà sau có lệnh Nguyễn chúa dạy cấm việc trên rất gắt.

Võ-Tánh thân danh đã cao quý lại lập được nhiều chiến công nên có ý tự phụ. Lễ bộ Nguyễn-thái-Nguyên thường chê trước mặt. Tiền-quân Tôn thất Hội cũng cho là tệ nên nói với Tánh rằng : « Cao sang mà không xét đến tướng sĩ là chỗ lỗi lầm của Phiêu-Ky họ Hoắc (4), ông nên bỏ kiêu khí để tron danh mình mới là hay vậy. » Võ-Tánh sảm tạ và từ đó sâu xét để sửa mình, nên rất được lòng tướng sĩ.

(4) Có lẽ là Đại Tư mã Phiêu Ky Tướng quân Quán quân hân Hoắc khu Bình (anh một cha khác mẹ của Hoắc Quang). chết vào khoảng tháng chín năm Giáp ti (117 trước Thiên chúa giáng sanh) thời Hán Võ đế.

Tháng tư năm Đinh-tị (1797), Nguyễn-vương ngự giá xuất chinh. Võ-Tánh và Nguyễn-văn-Thành dẫn bộ binh ra đánh Phú-yên. Rồi khi ngự thoàn đến Đà-nẵng (Tourane) thì Nguyễn-vương triệu Tánh ra cửa Đại chiêm (Faifo) đánh phía sau giặc. Ra biển, Tánh cả phá quân Tây sơn, thâu đoạt hơn 30 chiếc chiến thuyền. Khi vào cửa Đại chiêm hội binh cùng Đông cung Cảnh, Tánh phá được hai đạo quân của Đô-đốc Lê-Chất và Đô-đốc Nguyễn-văn-Giáp. Kế vì thuyền lương phần bị gió ngược, phần bị Tây-sơn đón nên ra không kịp, gạo trong quân chỉ còn ăn đủ năm ngày, Nguyễn-chúa bèn dạy ban-sư.

Tháng ba năm Kỷ-vị (1799), chúa Nguyễn-Ánh lại ra đánh Qui-nhơn. Khi đến cửa Thi-nại thì Tánh cùng Hữu quân Nguyễn-huỳnh Đức kéo binh đánh phá quân của Thiếu úy Trương tấn Thủy tại Thi-giã (Đồng thị (?)), thâu được mười ba chiến tượng và theo chém được Đô-đốc Nguyễn-Thực tại cầu Tấn-an.

Khi đại đội đến thành Qui-nhơn, Nguyễn-vương liền thăng đến Tân-quan và đèo Bình-đê để đặt quân đón viện binh của Tây-sơn ở Huế vào; còn Tánh thì điều bát tượng sĩ vây thành. Bây giờ, Thái-phủ của Tây-sơn là Lê-văn-Ứng đã đem binh ra khỏi thành về miền Tây-sơn thâu vận quân lương và làm thế ý giặc. Lê-Chất (Đại-Đô-đốc của Tây-sơn mới về hàng) đem việc ấy tố với Tánh. Tánh bèn đem quân chặn đánh Ứng tại Cà-đảo (5), bắt sống quân nghịch hơn sáu ngàn người và chiến tượng hơn năm mươi con.

Viện binh không có, quân hường sạch trơn, Đại-Tổng-quân Lê-v-Thanh và Thiếu-úy Trương-tấn-Thủy bèn dâng thành. Hồi này có người khuyên nên thừa thắng ra đánh Phú-xuân (Huế). Được chúa hỏi ý kiến, Tánh tâu: « Qui-nhơn tuy đã hạ, nhưng Phú-xuân toàn lực vẫn còn. Vả quân ta cũng đã mỏi mệt, ta chưa nên khinh tấn. »

Nguyễn-vương cho là phải nên truyền lệnh ban-sư, để Võ-Tánh, Ngô-tùng-Châu cùng bọn Nguyễn-văn-Tồn (6) thủ thành Qui-nhơn mà Ngải-vừa đổi tên lại là Bình-định.

Tin này bay về Phú-xuân. Thiếu-phó Trần-quang-Diệu và Tư-dồ Võ-văn-Dũng đồng kéo binh vào. Diệu thì dẫn binh ròng hơn hai muôn do đường bộ đến phá thành, Dũng thì đem hơn trăm chiến thuyền chặn cửa Thi-nại không để binh Đồng-nai đến cứu được.

(Còn nữa)

LÊ-THỌ-XUÂN

(5) Thuộc làng Đông hòa, gần Phú-phong.

(6) Nguyễn-văn-Tồn lên tước là Duồng, người Cao-miền giúp vua Gia-long, sau làm quan đến chức Thống-chế. Hiện nay mộ tại Trà-ôn, gọi là mộ ông Đều-bát.

CÙNG LỜI TRỜI CỦA CỤ

PHAN-THANH-GIẢN ⁽¹⁾

PHƯƠNG-LAN nữ-sử



II

Ôi dựa theo lịch-sử và văn-phạm Tàu, kính dịch lời trời của cụ Phan, để giải cái mối băn khoăn của ông Lê-thọ-Xuân và nỗi niềm « ngời lên cho chị. . . » của ông Nguyễn-văn-Nhọ, và thứ nhứt để tỏ lòng **trung quân ái quốc** của cụ Phan.

Rồi mới đây, tình cờ tôi được đọc cuốn « Cụ Phan Thanh-Giản và gia thế của cụ » (Phan Thanh-Giản et sa famille (2) của ông Pierre Daudin, tốt nghiệp Hán-học tại trường Đại học Lyon và do Société des Etudes Indochinoises xuất bản tại Saigon năm 1941.

Ông Daudin cũng được coi tờ giấy hoa tiên có lời trời ấy, ông dịch ra tiếng Pháp như sau này : « *Prière de supprimer toute banderole mortuaire, au cas ou personne n'accepterait, d'en écrire une, et de porter sur le tombeau l'inscription suivante : « Cercueil d'un vieux lettré du nom de famille Phan (originaire) du littoral du Grand (empire d'Annam) ».*

Trong câu dịch, ông Daudin cũng chủ yếu ở hai chữ **nhược** và **vô**. **Nhược**, ông dịch là *au cas ou*, nghĩa cũng tương tự như chữ **nếu** và **vô**, ông dịch là *personne*, nghĩa là **không ai**.

Lời trời ấy đã được người ta tôn trọng không ? Chúng ta hãy theo ông Daudin hướng dẫn mà chiêm yết mộ cụ Phan.

Trước mộ, bên ngoài vòng thành có một tấm bia lớn, khắc ba hàng chữ sau này :

Hàng giữa : **Nam-kỳ Hải nhai lão thơ sanh Phan công chi mộ.**

(Dịch : Mộ của người học trò già Phan-Công ở ven biển Namkỳ).

(1) Cui Đại-Việt tập chí số 14 ngày 1er Mai 1943.

(2) Viết cuốn này, ông Daudin được ông Lê-văn-Phúc, giáo học ở Hương Diễm, Běntre, phụ giúp. Người ta bảo ông Lê văn Phúc là ông Lê-thọ-Xuân.

Hàng bên phải : Thiên vận bình thìn niên, thập nhất nguyệt, thập nhị nhật thụy sanh.

(Dịch : Vận trời, tốt lành sanh năm Bình thìn, tháng mười một, ngày mười hai. (1))

Hàng bên trái : Chí Đinh-mão niên, thất-nguyệt, sơ ngũ-nhật triệt hế.

(Dịch : Tới năm Đinh-mão tháng bảy, ngày mùng năm thì mất.)

Vô vòng thành ngay lối đi, gặp tấm bia nhỏ hơn ; bia này trước kia ở phía ngoài nơi tấm bia lớn bây giờ, sau này, lúc sửa sang lại mộ, người ta dời vào bên trong. Tấm bia đó có khắc hàng chữ sau này :

Đại Nam Hiệp biện đại học sĩ Toàn quyền đại thần Phan tiên công chi mộ.

(Dịch : Mộ của Quan Lớn Toàn Quyền Hiệp biện đại học sĩ Phan (tiên công) ở Đại-Nam). Mấy chữ này có lẽ của Phan-Hương, con trai lớn cụ viết, vì có hai chữ Tiên Công nghĩa là Cha đã mất.

Rồi tới tấm chấn, hai mặt có vẽ hình : sea-le, tùng, lộc, công, hầu. Mặt ngoài có hai câu đối :

Giang hà chung tú khí

(Dịch : Sông rạch đức khí tốt.)

Âu-Á mộ uy linh.

(Dịch : Người Âu kẻ Á đều mộ linh uy).

Mặt trong có hai câu đối :

Tiết nghĩa lưu thiên địa.

(Dịch : tiết nghĩa còn cùng trời đất.)

Tinh thần quán thiên nư.

(Dịch : tinh thần lán cả (sao) Khiên (sao) Ngu).

Ở trong hết có một tấm bia rất lớn, ở giữa có hai chữ lớn : Truy sự (tưởng nhớ) và hai bên có hai câu đối :

Xuân lộ, thu sương cảm.

(Dịch : Lộ (sương đọng) mùa xuân, sương (sương mù) mùa thu khiến người cảm nhớ)

Sơn hoa, thảo dã sầu.

(Dịch : hoa núi, cỏ đồng đều buồn).

(1) Cụ sanh ngày 12 tháng mười (11 Novembre 1796. Theo gia phả của Cụ viết năm 1842 cùng với Phan văn-Nhuận, anh em bà con với Cụ.

Theo ông Schreiser, trong cuốn Việt-Sử Yếu-Lược (Abrégé de l'Histoire d'Annam), lúc cụ Phan mất, Thủy sư Đề-đốc La-gradière có cho một đội lính Pháp và một đội lính Việt hộ tống linh cửu cụ về chôn tại Bảo thành nơi mộ có dựng một tấm bia, khắc mấy chữ sau đây :

Lương khê Phan lão ông chi mộ.

(Dịch : mộ của người làm ruộng già họ Phan hiệu Lương Khê)

Tấm bia này, bây giờ không thấy.

Người ta có tôn trọng lời trời của Cụ không ?

Cụ Phan-Thanh-Giản vì nước mà cất chén « ngọt ngẹn mùi chánh khí ». Cụ trông mong người ta nghe theo lời Cụ để cho Cụ được toàn trung hiếu với quân thân mà ngậm cười nơi chín suối.

Ôi ! mĩa mai thay ! người ta không nghe theo lời Cụ, người ta muốn tỏ lòng sùng bái Cụ mà người ta vô ý thực mĩa mai Cụ là người bất trung bất hiếu !

Từ lúc đức Thế Tổ Cao Hoàng đế thống nhất sơn hà, địa phận Bắc gọi là Bắc Hà trấn và địa phận Nam gọi là Phiên an trấn đặt quan Tổng-trấn để cai trị. Tới sau, hai trấn đó đều bỏ, mà chia thành tỉnh, phủ, huyện để thống nhất quốc gia : Quốc-gia Việt Nam, kể từ biên cảnh Trung quốc tới biên cảnh Cao-miên ngày nay.

Trấn Phiên an chia ra làm sáu tỉnh gọi là Giadinh lục tỉnh. Tới năm 1867, sáu tỉnh Giadinh tuy phải nhường cho nước Pháp, nhưng lòng Cụ Phan không có lúc nào quên VUA, quên NƯỚC, cái lòng TRUNG QUÂN, AI QUỐC của Cụ tỏ rõ ở hai chữ ĐẠI-NAM trong lời trời.

Tôi mong rằng bao nhiêu hình sen, le, tùng, lộc, công, hầu, bao nhiêu câu đối chữ khắc sẽ bỏ đi hết ! Đừng đứng trước mộ của Cụ sẽ chỉ có một tấm bia ghi lời trời của Cụ :

« Đại Nam hải nhai lão thơ sanh tánh Phan chi cửu »
(Mộ của người học trò già họ Phan ở ven biển nước Đại Nam).

Tôn trọng lời trời của Cụ, hiểu biết lòng trung nghĩa của Cụ, làm việc theo gương chánh khí của Cụ, đó mới là sùng bái Cụ... Còn ngoài ra là thừa hết cả !

PHƯƠNG-LAN nữ sử

GỐC-TÍCH NGUỒN VIỆT-NAM

V.— Việt-Thường



HỮ Việt-thường tuy không được nhiều sách Tàu bàn đến như chữ *Giao-chỉ*, nhưng đối với học giả Pháp-Nam, nó cũng đã gợi ra nhiều ý nghĩ sai-biệt nhau.

Trong quyển *Việt-Nam sử-lược*, ông Trần-trọng-Kim viết : « *Sử Tàu* chép rằng năm mậu thân là năm thứ năm đời vua Đế-Nghiêu (2352 tr. Tây lịch ?) đã có người Việt-thường ở phía nam xứ *Giao-chỉ* sang cống con rùa lớn (1) ; đến năm tân-mão (1109 tr. T. l.) đời vua Thành-vương nhà Chu người nước ấy lại sai sứ đem chim bạch trĩ sang cống, nhà Chu phải tìm người thông ngôn mới hiểu được tiếng, và ông Chu-công-Đáng lại chế ra xe chỉ-nam để đem sứ Việt-thường về nước (2). Vậy đất Việt thường và *Giao chỉ* có phải là đất của Hùng-vương lúc bấy giờ không ? »

Nhà bác-học Trương-vĩnh-Kỷ không nghi ngờ chút nào Ông viết : « Đời Hùng-vương, triều đình nước Nam có giao thiệp với nước Tàu. Năm 1109 tr. Thiên-chúa, Nam-triều sai sứ sang Tàu... » (*Sous le règne des Hùng-vương, la cour d'Annam était en relations avec celle de Chine. En 1109 avant Jésus Christ, la cour d'Annam envoya une ambassade à l'empire chinois... Cours d'Histoire annamite*).

Trái lại, ông Lê-văn-Hòe quả quyết rằng nước Việt-thường xưa đem cống nhà Chu chim bạch trĩ là nước *Chiêm-Thành*. Theo ông, Việt-thường là đất *Quảng-Bình*, *Quảng-Trị* ngày nay mà đất ấy, vua *Chiêm-Thành* là *Chế-Cử* năm 1069 sau T. C. bị vua Thánh-Tôn nhà Lý đánh thua nên phải nhường lại cho. Thế thì mãi đến năm 1069, Việt-thường còn thuộc về *Chiêm-Thành*. (*Quốc sử định nghĩa*).

Đi xa hơn nữa, nhà Trung-hoa-học L. Wieger trong bộ *Textes historiques*, quyển I, trang 116 (bản cũ) cho rằng Việt-thường là xứ *Cao mén*. (En 1112 av. J. C. l'empereur Tek'eng

déposa le deuil triennal trouble par bien des événements... Il fit sa cour à ses ancêtres, dans le temple de la famille. Il examina les fonctionnaires. Une députation vint du fond du Cambodge pour le saluer). Còn ông Ch. Madrolle lại nói rằng Việt-thường ở hạ lưu sông Hồng hà (Nous pensons être dans le vrai en disant que Yue-tchang dont on a souvent recherché le site, fut autrefois le nom donné au pays du bas fleuve Rouge : B E F E O, tome XXXVII, p. 317)

Chúng tôi tưởng cũng như về chữ Giao chỉ, nên phân biệt ra :

1) *Bộ Việt thường* (Quảng Bình, Quảng Trị) của nước Văn-Lang.

2) *Nước Việt thường* có từng sai sứ sang Tàu.

Nước Việt-thường này phải ở vào đất Bắc-kỳ chăng ?

Nếu ta xem kỹ địa đồ xứ Trung-hoa vào thế kỷ thứ XX trước T. C. nghĩa là còn chia ra nhiều bộ lạc, nhiều giống dân khác nhau mà trình độ trí thức, sanh hoạt có lẽ còn thấp kém lắm, và tất nhiên không thông hiểu địa dư bao nhiêu, thì ta không thể nào tin rằng có sứ-giã từ Bắc-kỳ lặn lội vượt biển trèo non để đến thành *Bình-dương*, chỗ đóng đô của vua Nghiêu, tận tỉnh Sơn-tây, phía Bắc sông Hoàng-hà, và đời nhà Châu lại đến thành *Tây-An*, phía Nam sông Vị, tỉnh Thiểm-tây ngày nay.

Theo lẽ đương nhiên thì ngày xưa, nếu có sự giao thiệp nhau giữa hai nước, nguyên nhân chẳng qua hoặc vì hai nước ở lân cận nhau, hoặc vì nước yếu sợ nước mạnh xâm lấn, nên phải sai sứ-giã sang cống hiến mà thôi. Chớ như đất Bắc-kỳ cách xa Sơn-tây và Thiểm-tây ngàn trùng thì sao lại có chuyện giao thiệp nhau được !

Thế thì phải nghĩ rằng *Việt thường* ở không xa đất đai Hán-tộc, chớ chẳng phải là xứ Bắc-kỳ ngày nay. Đã biết rằng Việt-thường ở phía nam Giao-chỉ, và *Giao chỉ* ở phía bắc hồ Phiên-dương và sông Dương-tử (xem *Đại-Việt* số trước) thì có lẽ Việt-thường ở phía nam sông Dương-tử, vùng hồ Phiên-dương.

Càng khảo xét kỹ địa dư, lịch sử miền hồ Phiên - dương và Động-dinh, ta sẽ càng thấy rằng ý nghĩ trên đây rất hữu lý.

Theo thiên *vũ công* trong kinh *Thư*, do vua Đại - vũ thuật chuyện trị thủy vào khoảng thế kỷ XX tr. T.C. (sách một phần soạn vào thế kỷ thứ IX tr. T.C.) thì đất Tàu bấy giờ chia ra làm 9 vùng (châu), trong ấy có đất *Kinh* và đất *Dương*, ở phía nam, tính cách như vậy ;

1') *Đất Dương*.— Sông Hoài và biển định giới hạn cho đất Dương. Bờ hồ *Pông-li* (Phiên dương ?), dả trâu lại, không cho nước chảy lan tràn ra làm đồng lầy nữa ; nhiều giống chim phiêu lưu (*oiseaux migrants*) đến đó làm ổ. Có ba con sông chảy ra biển. Nước trong hồ *Teben* (Thái hồ ?) không tràn bầy ra nữa. Trúc càng mọc thêm nhiều ; cỏ nhỏ và dài, và cây cối mọc lên cao. Còn đất thì đầy bùn lầy. Ruộng thì hạng chín, thuế hạng bảy. Đồ vật của vùng ấy đem cống là vàng, bạc, đồng, cùng các thứ châu báu, trúc, ngà, da thú, lông chim, vải bô do thổ dân các đảo dệt ra. Những dõ (*mannes*) chở đến đây tơ lụa sắc sỡ. Khi nào có đòi, buộc thì mới có chở đến quit bươi. Vận tải thì đi từ sông Giang (Dương-tử) ra biển, rồi vô sông Hoài và sông Từ.

2') *Đất Kinh*.— Núi Kinh (Hồ bắc) và phía nam núi Hành chỉ giới hạn của đất Kinh. Sông Dương-tử và sông Hán sau khi gặp nhau chảy ra biển. Chín con sông đã định. Sông Đa và sông Tiêm chảy đều đều. Vùng Vân-mộng được trồng lúa. Đất bùn lầy. Ruộng hạng tám, thuế hạng ba. Đồ cống là lông chim, da thú, ngà, vàng, bạc, đồng, nhiều cây quý, đá làm cối và châu sa. Ba nước gửi đến cống thứ trúc và gỗ quý. Cỏ thanh mâu thì bó lại từng bó. Dõ chở đến đây vải xanh sậm và đỏ, cùng các thứ châu báu. Vùng cửu giang (chín con sông) cho rùa lớn. Sản vật vận tải đến do sông Giang, sông Đa, sông Tiêm và sông Hán, và chở đường bộ đến sông Lạc, rồi mới tới phía nam Hoàng-hà (3).

Tóm lại đất *Kinh* là chỗ sông Hán chảy vô sông Dương-tử còn đất *Dương* là hạ lưu sông Dương-tử đến sông. Hoài-Kinh Thư không có nói rõ cho ta biết rằng hồ Động đình có thuộc về đất Kinh, và hồ Phiên-dương có thuộc về đất Dương chăng.

Nhưng ta có thể đoán được rằng thổ sản và tính cách của vùng hồ Động-dình và vùng hồ Phiên-dương có lẽ cũng giống với của đất Kinh và đất Dương vậy. Biết đâu chừng đất Kinh và Dương còn rộng hơn nữa, nhưng phải chia ra 2 phần ; phần dả chịu quyền lực của Hán tộc, và phần còn tự do. Lại nữa chữ *kinh* và *dương* kia có lẽ là tên của thổ dân đặt ra.

Về đất *Kinh* và *Dương* theo kinh Thư tả, ta nên đề ý rằng :

1') đất *Dương* có nhiều chim

2.) đất *Kinh* có rùa lớn đặc biệt.

Theo *Sử ký* thì rùa ấy sống ngàn năm. Người ta đốt cái ma oia nó thì thấy lộ ra lần nút, và coi theo đó mà đoán việc kiết hung.

Nếu *Việt-thường* gồm hồ *Phiên-dương* và *Đông-dinh*, hoặc thuộc về vùng ấy thì sự đem cống sứ cho vua *Nghiêu* một con rùa lớn và cho vua *Thành* nhà *Châu* chim trĩ, là một sự tự nhiên và dễ hiểu lắm. Huống chi kinh *Thư* lại có nói đến ba nước năng đem cống trúc và gỗ quý. Thì ra vùng ấy cũng có nước độc lập. *Việt thường* có phải là một trong ba nước ấy chăng?

Điều ta có thể biết chắc chắn là vùng hồ *Phiên-dương* có đất *Việt-chương* (*Yue-tchang*). *Sử-ký* của *Tư-mã-Thiên* có chép rằng vua *Hùng Cừ* nước *Sở* (887—877 tr. T. C.) phong cho người con út *Chấp-Tỳ* làm vua *Việt-chương*. Chữ *Việt-chương* và *Việt-thường* tuy người Tàu viết khác nhau, nhưng đọc một cách (*Yue-tchang*). Có lẽ hai chữ ấy hồi bấy giờ dùng lẫn nhau dễ phiên-âm một tên bản thổ mà thôi. Huống chi một tên nước cũng có thể biến đổi ít nhiều. Thí dụ như chữ *Cao-mên*, *Cao-man*, *Cao-miên* cũng đều chỉ một xứ, hoặc chữ *Lào* hay *Lê* cũng thế.

Sử-ký không biết rõ *Việt-chương* ở chỗ nào, nhưng nói sơ qua rằng lối gần sông *Dương-tử*. Theo chúng tôi đã suy tầm thì *Việt-chương* hay *Việt-thường*, chính là ở chỗ thành *Nam-Xương* ngày nay.

Thật vậy năm 508 trước Tây lịch vua nước *Ngô* (vùng *Triết-giang*, *Giang-tô* ngày nay) có đại thắng một đạo binh nước *Sở* tại đất *Dự-chương* (*Yu-tchang*) mà *sử sách* đều nói là thành *Nam-Xương* hiện nay. Mà chữ *Dự-Chương* người Tàu đọc gần như chữ *Việt-Chương*.

Chúng tôi tưởng nên ước đoán rằng đất *Việt-thường* (*Yue-tchang*) cũng gọi là *Việt-chương* (*Yue-tchang*) sau đổi là *Dự-chương* (*Yu-tchang*), nghĩa là đất *Nam-Xương* phía nam hồ *Phiên-dương*, tỉnh *Giang-tây* (bên Tàu) ngày nay.

Đã biết rằng *Việt-thường* ở phía nam *Giao-chỉ*. Mà *Việt-thường* ở vùng hồ *Phiên-dương*, thế thì *Giao-chỉ* ở phía bắc hồ *Phiên-dương* và sông *Dương-tử* như chúng tôi đã ước đoán trong *Đại-Việt* số trước, là phải lắm. Vả lại hai bài khảo luận về *Giao-chỉ* và *Việt-thường* cũng có thể làm chứng lẫn cho nhau vậy.

(Còn nữa)

LÊ-CHÍ-THIỆP

(1) En 2353, un prince ou un ambassadeur des Ue-Chang vint faire sa cour à la capitale de la Chine. C'est le renom de vertu de Yao qui lui fit faire ce voyage, dit l'histoire. Il est bien plus probable qu'il vint solliciter sa protection contre un ennemi quelconque. Il apporta à Yao l'écaille d'une énorme tortue sur

laque le paraissaient des caractères antiques. (Textes historiques, par L. Wiegner, Tome I, p. 37).

(2) Après trois années des personnes de Youë-tchang, vinrent à la cour avec des interprètes, apportant en tributs un faisan blanc, deux faisans noirs, et une dent d'éléphant. Les envoyés s'étaient trompés de route en voulant retourner dans leur pays. Tcheou Kongleur fit présent de 5 chars d'une espèce légère, construits pour indiquer le Sud. Ils montèrent sur ces chars et se dirigèrent au Sud. L'année suivante ils arrivèrent dans leur royaume. Les envoyés s'étant livrés à des divertissements joyeux, au lieu d'arriver dans leur pays, s'étaient éloignés de sa direction ; et bien que le char indiquât toujours le Sud, ils avaient tourné le dos au point qu'il montrait ; mais l'année suivante ils arrivèrent. (Chine par M. G. Pauthier).

(3) Mémoires historiques. Tome I, p. 118 - 124. — Chine par M. G. Pauthier, p. 48 49. L. C. T.

CÁI CHÁNH

Đại-Việt Tập-chí số 14, 1er Mai 1943, bài «Cúng lời trời của cụ Phan-thanh-Giản», trang 4, hàng chót, xin đọc là :

« toàn trung biểu với quân thân » và trang 5, lời trời xin đọc là :

« Xin (thỉnh) bỏ (lĩnh) tằm triệu (minh sanh) nếu (nhược) không có ai (vô) chịu (ưng) viết (thơ) (như sau này) :

Áo quan (cửu) của (chỉ) người học trò già (lão thơ sanh) họ Phan (tánh Phan) (ở) ven biển (hải nhai) (nước) Đại Nam.

Cúng (diệc) lấy (dĩ) câu đó (thử) ghi (chỉ) (ở) mộ.

PHƯƠNG-LAN nữ sử

ĐÃ CÓ BÁN

Thi văn bằng chữ Hán, ở Nam-kỳ không có đã lâu. Nay Đặng-thúc-Liêng tiên-sanh mới xuất-bản một tập : « Tiểu Phù-viên, Hán văn, Thi văn Toàn tập ». Trong tập ấy ghi chép những lời ngâm vịnh từ Bắc qua Tàu và trở về Nam, nhiều lời tiêu tao nhã thú lắm.

Các bạn nên xem qua cho biết. Giá mỗi tập : 0\$50

Sách có để bán tại Bồn-quán, số 5, đường Reims, và tại nhà riêng Đặng tiên sanh ở đường Colonel Grimaud, Saigon.

BẦY VẬT LẠ TRÊN ĐỜI

(Tiếp theo)

Hồi đời vua Melik-al-aziz-Othman-ben-Yousouf (nước A-rập) nghe lời triều thần định phá hết mấy cái tháp, mới cho người khởi sự phá cái tháp nhỏ màu đỏ trước. Vua dạy những kỹ sư thầy thợ quan quân đem các đồ vật đến đóng trại tại gần chun tháp mà khởi công phá. Họ mộ thêm dân chúng rất đông, tốn hao tiền của rất nhiều mà hề hui hơn bảy tám tháng trời tốn công tốn của, cực nhọc trăm bề mà chỉ xeo được chừng vài tảng đá, cho lăn xuống tiếng kêu ầm ầm rúng động đất đai hết; chừng nó lăn xuống tới chun tháp thì lại lún xuống cát, phải cực nhọc một bận moi cát rồi đục đẽo hòn đá cho ra mảnh nhỏ mới chở đi chỗ khác được. Làm như vậy chẳng bao lâu tiền của cạn khô, đành phải bỏ dở công chuyện. Đời bảy giờ nếu xem thấy những mảnh đá vỡ mảnh mún thì ta cho có lẽ tháp đã phá tan tành rồi, mà khi đến tận tháp đứng xem, thấy mấy tảng đá, ta mới tán đờm kinh hồn, rất phục cho cái công trình vĩ đại của người xưa làm ra. Thế mà hồi xưa họ lấy đá từ bên núi ở xứ A-rập chở về E-dip mới dựng lên những tháp ấy, chở tại đó thì không hề có thứ đá ấy!

Nhiều người hồi xưa viết sách để lại đều nói những tháp ấy đều làm trước thời đại hồng thủy (déluge). Theo nhà sử học A-rập Abon-zeyd-el-Balkby, thì những chữ khắc trong Kim tự tháp đã có dịch ra tiếng A-rập, nói rằng Kim tự tháp đã cất hồi đời nào truy ra thì đã có 36 ngàn năm. Cái số năm ấy thật cũng thái quá. Nhưng theo ông Manéthon thì nói sử E-dip nói nước E-dip có đã 30 ngàn năm rồi. Những thầy đạo sĩ E-dip xưa có chỉ cho nhà sử học Hérodote 341 cái tượng hình khổng lồ của các đời vua chúa truyền từ lưu tôn từ hồi 11 ngàn năm trước đến đó. Còn theo mấy nhà thông thái xét ra thì nước E-dip cũng đã văn minh ít lắm là 15 ngàn năm trước Thiên-chúa, còn theo phần nhiều các nhà bác học thì cũng cho là 11 ngàn năm trước Thiên chúa nước E-dip đã văn minh rồi, thì có lẽ những Kim tự tháp cũng phải cất ra đã lâu đời và trước hết thấy các đền đài của hơn loại đã cất ra.

2 và 3' *Cái vườn treo và vách thành Ba-by-lôn.*

Theo những vườn đẹp để nhứt hồi xưa trên đời thì có cái vườn treo của bà Hoàng hậu Sémiramis là có danh nhứt, những nhà làm sử đều liệt nó vào hàng 7 vật lạ trên đời. Người ta cho cái công bày lập ra vườn ấy là của bà nữ vương Sémiramis, có người lại cho là của vua Nabuchodonosor, hoặc của một ông vua nước Xi-ri vì muốn làm cho vừa ý một bà vợ yêu là người nước Ba-tư (Perse) sợ bà buồn nhớ nước non xứ sở mình nên lập ra vườn ấy.

Theo mấy nhà sử học Strabon, Diodore, Philon de Bysance, thì những vườn ấy hình vuông, mỗi góc dài độ 120 thước và cất lên cao từng nấc bằng. Dưới mỗi nấc bằng đều có làm hang rộng, còn ở trên mặt mỗi nấc đều có trồng cây cối cỏ hoa tốt đẹp. Cái nấc chót hết làm lên cao 50 thước mộc. Vách tường dày 22 pieds, trên chót 10 pieds. Những nóc hang đều làm bằng đá chiu như cây đá, dài đến 16 pieds, rộng 4 pieds. Nóc thì làm bằng cây lộn với dầu, rồi lót gạch, trét xi măng bằng đất phấn, trên nữa lại dát chì cho dưng có hơi ẩm rĩ xuống. Ở trên lớp ấy thì đổ đất dày đủ cho những cây cối to cao 50 pieds sống được. Trên lớp đất ấy trồng đủ các thứ cây cối, kỳ hoa dị thảo ở các nước đem về. Xem ra không khác nào một cái rừng to có 20 tầng. Trong những hang ở dưới làm rộng rãi có phòng chung dọn trang hoàng khác nhau hết cả, như ở trong đền các vua giàu mạnh trên đời, có chỗ chứa lỗ trống phía trên trong ấy có chứa máy móc để lấy nước dưới sông Euphrate đem lên cho chảy ướt đất dặng cây cối tốt tươi hoải. Mỗi hang đều có cửa ngó ra phía ngoài nấc vườn kế ở dưới, dặng cho có yển sáng rọi vào trong.

Người ta cũng kể chung với vườn treo mà liệt vào 7 vật lạ trên đời, cái vách thành Ba-by-lôn. Theo ông Hérodote thì vách thành ấy dựng lên cao đến 200 thước mộc (92 thước rưỡi) còn bề dày đến 50 thước mộc (23 thước một) trên vách thành mỗi chận đều có xây tháp, hai bên đối nhau. Trên mặt thành chỗ có tháp, chiến xa có thể chạy ngan và quay lại được. Đường trên mặt thành xe có thể chạy song song một lần đến 2 ba chiếc. Vách thành ấy dựng bằng gạch sắp lớp có dầu chai (asphalte) xen kẻ để trét. Trên mặt thành có xây hết thảy 250 cái tháp, còn xung quanh thành đều có hào sâu, đem nước ở sông Euphrate vào. Bốn phía thành đều có 100 cửa bằng đồng, vào trong mỗi cửa thì có đường lộ đi vào trong thành. Có một

đường lộ lớn rộng lối 60 thước tây. Có 50 đường lộ (25 cái chạy dọc và 25 cái chạy ngang theo sông Euphrate, rồi ăn thấu ngay đến 100 cửa đồng. Vì vậy nên trong thành thấy chia ra từ khoảnh vuông mà một phần có đến dài nhà cửa. Con sông Euphrate phân hai châu thành ra, có một cái cầu bằng đá bắc ngang sông ; cầu rộng đến 9 thước 24, dài năm dặm (925 thước tây) ; những nhịp cầu cách nhau 3 thước bảy, nối nhau nhờ có móc sắt và chì. Ván cầu thì làm bằng cây danh mộc có thể gỡ ra được mỗi đêm. Ông Diodore nói rằng cái cầu ấy là công trình của Nữ-vương Sémiramis.

4. *Cái tượng của chúa thần Jupiter*

Cái tượng thần to lớn này tượng truyền là của nhà điêu khắc đại tài Go-rec tên là Phidias làm ra. Ấy là một cái tượng đẹp rất khéo léo tinh vi và vĩ đại làm ra hình vị chúa thần ngồi trên ngai, cái ngai ấy chạm trổ thật tinh vi, còn cái lưng dựa thì lại có chạm hình 3 vị nữ thần Duyên (Grâces) với thần Giờ (Heures) cái tay ngai thì chạm hình dị thú Sphinx nằm, dưới chun kẹp những dân Thébains. Dưới chun chạm hình sư tử bằng vàng và hình Thésée với dân Athéniens đánh giặc với người nước Tô-nữ «Amazones». Cái nền chịu tượng thần thì có chạm hình các vị thần ở cung Olympe. Còn tượng chun thần thì bằng ngà với vàng, trên đầu chạm hình đôi nhánh cây ô-liu, chỉ nghĩa là vô địch trong các cuộc khảo võ. Trong tay mặt, chúa thần cầm cái hình thần «Thắng Trận» cũng bằng vàng và ngà, nơi tay trái cầm cái hốt bằng nhiều thứ loại kim, trên chót có hình chim đại bàng. Cái mình thì chạm trổ ở trần, đều bằng ngà, còn áo bào xũ xuống thì bằng vàng có sơn vẽ hình cây cối thú vật bông hoa. Tượng hình này cao đến 52 pieds. Cái chỗ khéo léo hơn hết của tượng hình này là cái gương mặt của chúa thần chạm ra hình xem thấy cái cách ngó thật là oai nghiêm xứng với một vị chúa thần mỗi khi châu mắt là cả cung trời Olympe phải rung chuyển.

5. *Cái tượng hình không lồ tại Rhodes (nơi Địa-trung-hải).*
Ở tại đảo Rhodes hồi xưa người ta chạm không biết bao nhiêu tượng hình không-lồ của vị thần Apollon là thần Mặt Trời, nhưng cái tượng có danh tiếng nhất là tượng làm ra để tạ thần vì ân báo hộ dân chúng ở xứ Rhodes đó và tạ thần Ptolémée Soter có công cứu họ khỏi đạo binh của Démétrius Poliorcète xâm chiếm. Theo tục truyền thì cái tượng hình ấy làm bằng

đồng, nhưng ông Pline nói tượng ấy của nhà điêu khắc Lachès chạm trổ trong 12 năm trời mới làm ra được. Tượng ấy cao hơn 32 thước tây. Ông Pline nói nó to lớn đến nỗi mỗi ngón tay cũng lớn bằng một cái tượng hình khác vậy. Làm tượng ấy xong tốn đến 300 talents, tính theo giá bạc quan cũng hơn 2 triệu. Người ta nói 2 cái chun đứng chân hẳn ra, rộng đến 12 thước. Khi tượng ấy dựng xong thì cách 56 năm sau bị đất động ngả bẽ tan tành (năm 224 trước T. C.). Có cơ lên nói không nên dựng lại, nên nhơn dân để vậy cho đến năm 923 mới có một ông tượng người Hồi-giáo là Mo-wiah dạy đem những miếng tượng ấy mà bán cho một người Do-thái ở Emèse, thì người này phải dùng đến 900 con lạc-đà mới chở lần lần hết được, và tính ra thì cái tượng ấy nặng đến 70 muôn cân. Mà cái hình đó hồi làm ra phải chạm đục từ khúc rồi mới ráp lại, thì biết cái công khó và tài điêu-khắc của nhà chạm trổ đó khéo léo đến bậc nào.

6° Cái đền thờ của nữ thần Diane ở Ephèse

Thành Ephèse là một châu thành cổ ở Tiểu Á-Đông, gần biển Egée, cách thành Smyrne chừng 60 cây số. Thành ấy xưa cường thịnh giàu có nhất vùng ấy, hải cảng to rộng lắm và nó có danh nhất thời là nhờ có cái đền thờ nữ thần *Diane Artémis*, đã liệt vào bảy vật lạ trên đời hồi thuở ấy. Đền thờ ấy có đến 127 cây cột bề cao đến 20 thước ; 36 cây đều có chạm trổ và có hình nổi ; có một cái đẹp vô hồi, công của nhà điêu khắc Scopas, làm cho thiên hạ trăm triệu khen ngợi. Những cột ấy dựng từ hàng 8 cây, tính ra bề dài hết thấy 129 thước tây, và mỗi căn một khoảng rộng 66 thước ; trước đền có cửa tam quan cất trên 10 nấc thêm, trong đền có tượng nữ thần đúc bằng vàng. Theo tục truyền thì nói đền thờ và tượng nữ thần tự nhiên ở trên trời sa xuống mà dựng sẵn lên. Theo nhà sử học Pline thì đền thờ ấy cất xong hoàn thành hết cũng mất hết 220 năm. Cũng theo tục truyền thì 127 cây cột đó là của 127 ông hoàng hoặc ông vua tặng cho theo cái trường hợp nào không rõ. Truy ra theo các tài liệu hồi xưa thì cái đền thờ ấy có lẽ khởi công làm hồi năm 620 trước C. G. S. Cái đền thờ này sau bị Erostrate đốt hư đi, nhưng nghe nói chỉ có sườn và nóc bị cháy hư mà thôi. Đến sau người ta cất lại đôi ba phen, bằng các thứ cây danh mộc, quí báu, đến năm 263 sau C. G. S. mới bị dân Seythes cướp phá, rồi đến các đời vua có đạo Thiên-

chúa mới dạy phá tiêu tan đi cũng như họ phá hết các đền thờ thần khác không phải đạo Thiên-chúa.

7. Cái mộ của vua Mausole

Ông Mausole là vua xứ Carre, trị vì từ năm 377 đến 353 trước C.G.S.. Vợ người là em gái người tên Artémise, ở với chồng trị nước 24 năm mà không con, chường chồng chết thì nàng nối ngôi, có cất một cái mộ cho chồng rất nên nguy nga đồ sộ nên thời xưa người ta cũng liệt cái ngôi mộ ấy vào hàng bảy vật kỳ quan trên thiên hạ. Ngôi mộ ấy của những tay danh tiếng mỹ thuật khởi làm từ năm 353 trước C.G.S. Đến năm bà Hoàng hậu Artémise băng, công việc phải ngưng lại một lúc đến chường vua Hydricus là em bà Hoàng hậu nối ngôi mới ra lệnh tiếp tục dựng thêm. Ngày nay ngôi mộ ấy đã hư đổ nát lâu lắm tuy nghe sử sách kể lại mà không biết nó nằm ở đâu. Theo ông Plinê tả ngôi mộ ấy thì nó như cái đền thờ, phía dưới bộ mặt dài 30 thước từ Đông qua Tây 33 thước; hai bên góc từ Bắc xuống Nam, có 36 cây cột, bốn phía đền đều có chạm trổ khéo léo, mỗi phía đều có một nhà danh tiếng điêu khắc rất nên mỹ thuật. Đền ấy cao 14 thước 57 tây, ở trên đền thì xây cái tháp 24 nấc dưới rộng lên cao thì nhỏ dần như kim tự tháp rồi ở trên chót thì để cái mộ cẩm thạch vuông có chạm trổ tinh vi. Tính chung ra thì đền mộ ấy cao đến 43 thước 20 tây. Cách khoản cột đều có dựng 36 tượng hình các vị anh hùng và hình sư tử, còn cái mộ vuông cẩm thạch thì chạm hình vua Mausole với Hoàng hậu Artémise đi chiến xa, cao 3 thước tây. Đến sau người ta tìm được di tích ngôi mộ ấy tại thành cổ Halicarnasse, các nhà bác học đi đào mà khảo cổ đã tìm được di tích mà làm hình lại đủ hết.

THANH-TÂN (Võ-thành-Vinh)



HOÀNH, TRẨM

(Tiếp theo)



ẤM thứ 16 (1835) Tướng-quân và Tham-tán ở Nam-kỳ lại gọi sớ về tâu : « Đào đường ngầm ở dưới đất đã thấu đến dần thành, xin lấp hào để lên thành mà đánh ». Đức Minh-Mạng dụ rằng : « Các người gấp muốn thành công, song trăm tinh đã chín chần lăm. Vả cái cơ đánh lấy thành ngày nay, có nhiều điều chưa tiện. Tại sao ? Bởi thế giặc tuy cùng, mà quân nó còn đến ngàn người, nó không đánh được mà nó có thể giữ được, ấy là một điều. — Đường ngầm dưới đất tuy đã xuyên thấu, song hào có thể lấp, mà thành chưa có thể hạ, ấy là hai điều.

« Ở trên mặt thành, quân giặc có đào hang, cắm chông rất nhiều, khi dăng thành tường không có chỗ đứng, quân ta giữ được không tổn thương chẳng ? ấy là ba điều. — Gần đây nghe bọn đầu dăng Trẩm hiềm khích lẫn nhau. Ta để huân cho chúng nó ngờ vực nhau hai lòng, mà lo toan hại nhau, nếu ta đánh gấp, thì chúng nó lại đồng lòng với nhau mà giữ giữ. Ấy là bốn điều. Vả hiện giờ nước Cao-miên là phiên thuộc của ta, ta đương lo kinh lý, mà Tiêm khấu lại tiếp cánh với ta, còn đương găm ghé, nếu thành Phiên-an mà hạ được, quân lính có thể triệt về hết mà không phòng ngừa chẳng ? ấy là một cái quan-niệm lớn lại phải nên lo tới mới được. Ấy vậy, việc đánh thành phải hoãn lại. Phương chi tên nghịch cứ ở huyện Để định (Nông văn-Vân) đã giết được rồi, thì khỏi lo về phía bắc nữa.

« Duy còn nghịch Trẩm ở có thành này, chẳng qua như con thú trong chuồng, con cá đáy chỗ. Nên lập kế lấy thành Dương-mã và chiếm cứ lấy cầu lộ, thì ta được vững tay về thế công, mà giặc không bền lòng về thế thủ. Tức nhiên thành chẳng đợi đánh mà hạ được ngay. »

Kể lại dụ rằng : « Cái đạo dùng binh, là : Ủy dùng tướng soái, chọn lựa kẻ tỳ tướng, nuôi nghĩ sức binh lính, cho đến những quân nhu chiến cụ mỗi mỗi phải cho đầy đủ, mới là được vạn toàn. Nay quân ta mở đường lấp hào, tuy lần lược đã xong cả, nhưng lấy cái thế mà nói, thì nên chờ đợi ít lâu, chẳng nên đánh vội. Ta hoãn một ngày, thì ta nuôi cái

sức tinh nhuệ của ta được một ngày, mà giặc lại cùng khổn
mỏi mệt hết một ngày. Ta sẽ nhơn theo đó mà đánh, dễ như
trở bàn tay.»

Rồi kể đó, ở ngoài kinh chỗ vô, nào những đại bác, đạn
cỡ lớn nhỏ, thang leo, ống phun lửa, áo giáp (làm bằng kén)
và dép da hiện đã tới quân thù. Lúc ấy lính tráng đều tình
nguyện leo lên thành giết giặc. Tướng quân và Tham tán lại
tâu về triều. Đức Minh-Mạng dụ rằng : « Cơ hội đánh lấy thành,
chính ở về lúc này. Khá truyền dụ cho Tướng quân, Tham Tán
phải thân mình hiệu lệnh, chỉnh sức quân lính. Ngày đánh
thành, chọn những lính dũng cảm, chia liệt ra bốn mặt thành
mà đánh. Ở gác-dài, thì cứ mỗi góc chia làm trung, tả, hữu
ba đạo rón sức mạnh mà tiến tới. Còn trung đài ở bốn mặt
thành, cũng đều ra một toán binh leo lên thành mà đoạt lấy.
Hoặc tên lính nào thụt lùi, thì cứ theo quân pháp trừng trị.
Ngày đánh thành, ban đêm e không nhìn rõ được mặt của giặc,
thì nên dùng vào lúc tấn sáng hay lúc đứng bóng. Tám mặt
đều đánh, thế giặc phải chia, thì sức giặc phải yếu, thành hẳn
hạ được ».

Rồi đó, quan quân y theo ngày giờ tới đánh, thâu phục
được thành Phiên an, và bắt sống bọn giặc Trầm, không sót một
đứa, và dựng sớ về triều báo tiếp. Đức Minh-Mạng dạy đem
bọn thù nghịch Nguyễn-văn-Trầm sáu đứa đóng cũi đưa về kinh
sư. Còn dư thì giết hết. Nhơn lại bảo thị thân rằng : « Trầm
nghe khi Hồng kỳ báo tiếp đi ở dọc đường, ai thấy cũng hoan
hô và chạy đi xem, gần đến bờ buổi chợ, như thế có phải là
lòng người muốn trị mà ghét loạn hay không ? Nay trong nam
ngoài bắc, dân đồ đã yên, trăm nên thì ơn dày, cùng với thần
dân trong thiên hạ chung hưởng phước thái bình.» Rồi đức vua
ngự ra điện Thái-hòa cho trăm quan triều hạ, và ban ơn chiêu
cho trong ngoài, lại truyền dạy cho các đạo ban sư hồi triều,
luân công phong thưởng.

Bộ Lễ tâu xin làm lễ «Hiển phù» đức Minh-Mạng dạy rằng :
«Đời xưa có lễ Hiển-phù để nên việc Võ đả nên, khá y theo lời
Bộ xin mà thi hành. Đến ngày ấy đức vua ngự mặc áo long bào
lên lầu cửa Ngọ-môn, bọn tướng quân Nguyễn - Xuân ra trước
sân lay và dựng những nghịch phạm đã bắt sống để cáo việc
thành công. Đức vua dạy giao cho pháp ty hết cách trừng trị.
(Nghe đâu bọn nghịch Trầm phải bị xử lăng trì, bắt phạm ở trầu
trường buộc trên tấm khạp dựng đứng xiêng xiêng, rồi tên lính

tay cầm kềm, tay cầm dao, hễ kềm bắt miếng thịt nào thì dáo xẻo miếng thịt ấy, xẻo đủ một trăm dao.)

Thành Phiên an thâu phục rồi, đức Minh-Mạng ban lời bá cáo cho trong ngoài đều biết.

Đại lược nói : « Bọn nghịch thù ở Phiên an là Lê văn Khôi chiếm cứ thành làm phản, họa lây đến 6 tỉnh, hại khắp hết muôn dân. Lúc ấy phải ba đạo đại binh, thủy lục đều tới, các tỉnh kia lần lượt thâu phục được, còn thành Phiên an thì đắp lũy vây chặt. Nghịch Khôi sợ hãi, sớm bị minh tru (chết) nghịch Trầm, nghịch Hàm còn cũ hạp đồ đảng, chống cự quan quân. Để đây đưa ngày tháng, chẳng phải sức quan quân không đánh lại chúng nó, là vì quân của nhà vua, qui ở nơi vạn toàn. Chẳng nỡ để cho quân sĩ xuống phải đường tên mũi đạn. Và muốn chậm đánh để bảo cho chúng nó biết con đường sống. Không dè chúng nó trợn chẳng ăn năn, cam chịu lấy sự diệt vong. Mà quan quân ta, ai ai cũng ra sức lập công, chẳng mấy lúc đã lấy lại được thành trì, công lớn đã cáo xong, cõi Nam được an ổn. Trầm càng lo toan thêm cái chức sau này gìn giữ cho khéo, để cho dân ta được yên tĩnh lâu dài.»

Quan ở viện Cơ-mật là Trương đẳng-Quế và quan ở Nội-các là Hà-Quyền tâu xin đem công việc đánh giặc Khôi. Trầm ở Nam-kỳ chép thành sách, công bố cho thiên hạ và truyền đến đời sau. Đức vua bằng lòng theo lời xin.

Hoànb, Trầm đến đây là chấm dứt, Đức Minh Mạng lại còn ban thêm lời dụ khuyên răn vớ về những sĩ thứ ở sáu tỉnh Nam-kỳ.

Lời dụ : « Hỡi nhơn dân trong sáu tỉnh ! Lâu nay nhờ Liệt-Thành ta yên vui nuôi nấng, khi làm lụng, lúc nghỉ ngơi, ơn đã thấm, nhơn đã sâu, ăn đức uống hòa, hai trăm năm lễ. Kịp đến đời đức Hoàng-khảo, Thế-tổ Cao Hoàng đế ta, mở hội long hưng, các người đều cùng một đức một lòng, ra cửa ra sức, để rộng giúp trong buổi gian nan. Cùng nhau giữ lấy thời thật thà, không tập lấy đều gian nguy.

« Mới đây xảy một phen biến loạn, trong đó cũng có kẻ dấy lòng nghĩa phẫn, vì triều đình ra sức, vẫn chẳng thiếu chi người. Nhưng cũng có những đứa, ý nó bất mãn mà tưởng đến sự nhiều loạn, a đua theo giúp làm đều dữ. Đáng tiếc cái thói tốt trung hậu từ xưa, một sớm lại có cái lòng ngu tối tội tệ. Đến lúc cô-thành đã hạ, phép nước khôn dung, bèn đem giết sạch, để hã cái nư giận

cho thần và người, ấy cũng là sự cực chẳng đã mới làm. Nghĩ tới đó thật là đáng giận mà cũng đáng thương. Hồi tưởng lại : lúc phiên biển, kẻ trung nghĩa, thì được làm quan; kẻ giúp của, thì được nhiều khen thưởng. Những kẻ nào trước bị bức hiếp phải theo, mà nay trở giáo giết giặc, thì được thâu dụng. Những kẻ nào chịu khuất, mắng giặc mà chết, lại được phong tặng và cho tiền tuất, để lấy tiếng thơm. Cái máy kiết hung xu ty, đáng để cho người người soi rõ. Các người nên ăn năn tỉnh ngộ, gìn giữ phép thường, lấy hiền để trung tín mà trau mình, xem danh nghĩa càng thường làm rất trọng. Làm học trò phải sạch mình tâm đức để nên tài tế thể kinh bang; làm nông phu phải ra sức cày cấy, để chất chứa đầy kho đầy lẫm. Kẻ làm thợ có xưởng thì chăm lo nghề nghiệp cho thêm tinh. Kẻ buôn bán ở chợ thì chịu khó siêng năng cho hàng hóa được nhiều lời. Kẻ làm dân thú thì phải lo giữ phận giữ phép cho toàn.

Kẻ thuộc ngạch lính, thì chớ nên mới cấp mới diện đã trốn. Những việc bội nghịch, phải dứt hẳn mà chớ làm; những điều cấm răn, phải lánh xa mà chớ phạm. Phụ huynh lấy đó mà dắt dìu dạy bảo, Con em lấy đó mà hăm hờ làm theo. Để đem trở lại cái thói hay đời thượng cổ, mà đón rước lấy cái hạnh phúc buổi tương lai. Trăm thật có lòng trông mong lắm. »

THƯỢNG-TÂN-THỊ

PÉTAİN CÁCH NGÔN

A-ĐÔNG TRIẾT-LÝ HIỆP GIẢI

Soạn-giả : ĐẶNG-THỨC-LIÊNG và HỒ VĂN-TRUNG

là một quyển sách có nhiều câu cách ngôn của Thống chế Pétain. Mỗi câu cách ngôn ấy đều có câu triết lý của bậc Thánh Hiền Á Đông chiếu đối bằng Hán văn, Việt văn và Pháp văn. Lại cũng có lời phụ giải chung, thật rõ ràng.

Sách in khéo, bla đẹp, khổ lớn, giấy tốt

đầy 120 trang, Giá : Giấy thường 1 \$ 50,
Giấy tốt 3 00

Mua sĩ sách và tiểu thuyết có huê hồng nhiều, xin thương lượng với : HỒ-VĂN-KỶ-TRẦN

Quản lý Nhà xuất bản « ĐÀI VIỆT »

5, Rue de Reims — SAIGON

RỪ'NG VÀNG CỦA CON TÔI

Mỹ-Âm TRƯƠNG-VĨNH-TỔNG

(Tiếp theo)



ON người ta sanh ra ở trong đời, chẳng có thể đứng một mình được ; nghiệp học hành, nghề sanh hoạt, chẳng có thể một mình làm nên được, rồi đó phải có bạn-bầy. Cho nên đối với nghiệp học hành, thì nhà hiền-triết Trung-hoa (Tăng-Sâm) nói rằng : « Dùng văn-chương nhóm bạn bầy, dùng bạn bầy giúp đạo phải » ; đối với nghề sanh hoạt, thì tục ngữ An-nam ta cũng có câu nói : « Giàu vì bạn, sang vì vợ ». Coi vậy thì cái phần giúp ích về sự tấn đức khai tri, trừ ngoài ông thầy ra, người bạn ở vào cơ quan thứ nhì, người đời có thể khỏi giao tiếp được đâu. Kinh Lễ-ký nói rằng : « Sự giao tiếp là bôn-thủy của đạo người, là đại yếu của giếng mối, việc bởi đó mà lập, danh bởi đó mà thành. Nếu không giao tiếp thì có tài cũng không thể dùng ra, có nghĩa cũng không thể đứng được ».

Tuy vậy, nhưng trong khi giao tiếp với bạn-bầy cũng cần phải cần thận, vì cái lẽ gần mực thì đen, gần đèn thì sáng, hay là ở bầu thì tròn, ở ống thì dài, cổ-ngữ vẫn có những câu thí dụ về nghĩa quan-hệ trong lối bạn-bầy, mà trong sách gia-ngữ cũng có lời đức Khổng-tử dạy rằng : « Ở với người hiền như vô nhà hoa chi hoa lan, thét rồi chẳng ngửi mà thấy hương thơm tho, vì mình đã đồng hóa làm hoa chi hoa lan ; ở với người chẳng hiền, như vô lò cá mắm, thét rồi chẳng ngửi mà thấy mùi tanh thúi, vì mình cũng đã đồng hóa làm cá mắm ».

Vì lẽ quan hệ như vậy, nên đức Khổng-tử bàn về nghĩa bạn bầy lại phân biệt như vậy : « Cái phần lợi-ích có ba thứ bạn-bầy, cái phần tổn hại có ba thứ bạn bầy. Bạn bầy với người ngay thẳng, bạn bầy với người tin thật, bạn bầy với người nhiều kiến văn, chắc là phần lợi ích. Bạn bầy với kẻ quen sửa đáng, bạn bầy với kẻ khéo bợ đỡ, bạn bầy với kẻ quen nói láo,

chắc là phần tổn hại ». Bởi vì bạn bầu với người ngay thẳng thì được nghe điều lời của mình, bạn bầu với người tin thật thì mình được tấn lên cõi trung thành, bạn bầu với người nhiều kiến văn, thì mình được tấn lên cõi mình đạt. Trái lại, kẻ quen sũu đáng thì chẳng ngay thẳng, kẻ khéo bợ đỡ thì chẳng tin thật, kẻ quen nói láo thì không có kiến văn, ba hạng người này đều trái hẳn với ba hạng người kia, cho nên phần tổn hại với phần lợi ích cũng đều phân biệt.

Kẻ đã biết theo lời thánh dạy mà phân biệt phần lợi ích với phần tổn hại như vậy, ắt là biết lựa bạn hiền mà kết giao. Đã biết lựa bạn hiền mà kết giao, thì hiền giao với hiền, ắt cùng nhau ăn ở thủy chung, nhắm vào câu : « *Dữ bằng hữu giao, ngôn nhi hữu tín* », nghĩa là giao với bạn bầu, nói phải giữ lời tin thật. (Lời thầy Tũ-Ha tại trong sách Luận-ngũ).

Thế nào là *Tin* ? — Buổi ban xưa kết bạn, ắt hẳn là khăn khít như kim với cái, như keo với sơn, ý hiệp tâm đầu mà ước hẹn : cùng nhau khuyên điều lành mà răn điều dữ, giúp ích cho nhau về học nghiệp, bình vực cho nhau lấy lợi quyền, sang hèn chẳng quên nhau, giàu nghèo phải nhớ nhau, sống thác chẳng bỏ nhau, hoạn nạn phải cứu nhau. Ấy là câu giao ước của miệng ở lúc ban đầu, mùi tình đương nồng, về nghĩa còn thắm, vả lại cả hai bên chưa phân kẻ hay người dở, thì vẫn định-ninh hai miệng một lời. Tới chừng kết quả mà trong lối bạn bầu có kẻ giàu người nghèo, kẻ sang người hèn, kẻ sống người thác, kẻ bình yên người hoạn nạn, rồi do cái mùi về tình nghĩa theo mà phai lợt, mới lời ra cái trạng thái bất-tín là người hay ly gián với kẻ dở, kẻ dở thất vọng với người hay, cho nên cổ ngữ nói rằng : « *Một sang một hèn, tình giao mới hiện, một sống một thác, mới biết tình giao* », là câu nhắc thời đời đen bạc với bạn bầu, không giữ tròn chữ *Tin* vậy.

(Còn nữa)

ÁI-TÌNH MIÊU

TIỂU-THUYẾT CỦA ĐỖ BIỀU-CHÁNH

(Tiếp theo)



HỨC thấy sắc mặt cô thì biết cô bối rối trong trí lung lăm, nhưng mà Phúc sợ cô trả lời liền rồi câu trả lời ấy, hoặc vì cảm xúc, hoặc vì bất bình, mà không được chính chắn thành thật, bởi vậy Phúc lật đật nói tiếp : « Tôi không muốn cô trả lời gấp, là vì việc tôi hỏi cô đó là một việc quan hệ cho đời của tôi và đời của cô, bởi vì nó có thể làm cho cái lòng khô héo của tôi trở ra xanh tươi lại, mà nó cũng có thể làm cho cái đời vui vẻ tốt đẹp của cô trở ra buồn rầu hư hỏng được. Vậy tôi xin cô hãy suy xét cái vấn đề ấy đủ các phương diện, hãy xem bề trong bề ngoài, hãy cân chỗ phải chỗ quấy, rồi sẽ trả lời. Tôi sanh trưởng nơi thôn quê, nên tâm tánh của tôi thật thà, cách ăn ở của tôi giản tiện, không thích hạp với đời mới. Cô sanh trưởng nơi thị thành, nên tâm tánh của cô lợi lạc, cách ăn ở của cô sang trọng rực rỡ. Hai tâm tánh ấy có thể hiệp nhau rồi khấn khít cả đời được hay không ? Hai cách ăn ở ấy có thể nhập nhau lại mà làm ra một cách ăn ở mới được hay không ? Đó là những điều cần phải suy nghĩ... »

Cô Lý cũng cứ lặng thinh hoài.

Phúc thấy cứ chĩ ấy thì sợ cô Lý hoặc hờn giận, hoặc khinh bỉ thái-độ của mình, bởi vậy chặm rãi nói nữa : « Tôi chẳng khác nào người mang bệnh trầm trọng tưởng đã chết rồi, may gặp lương y cứu chữa, mới cho uống thang thuốc đầu thì bệnh đã giảm, bệnh nhơn định tâm tĩnh trí, rồi quơ niu sự sống, nên cầu khấn lương y. Cô cũng như vị lương y ấy. Vì như trong cách cầu khấn của bệnh nhơn có lời nào không vừa lòng hiệp ý lương y, thì xin lương y nghĩ giùm tâm hồn tán loạn của bệnh nhơn mà dung thứ, chớ đừng có hờn giận hoặc khinh bỉ bệnh nhơn tội nghiệp ».

Bây giờ cô Lý biết rõ lòng dạ của Phúc được rồi, bởi vậy cô chảy nước mắt đầm đề, nhưng mà mặt cô hớn hỏ, miệng cô

chúm chím cười, cô ngó ngay Phúc mà đáp : « Anh Phúc, anh hỏi em vậy chứ em có thể kết nghĩa vợ chồng với anh được hay không hả ? Em xin trả lời liền : được. »

Phúc vừa nghe tiếng « được » thì biến sắc. Phúc nhường mắt nhìn cô Lý trân trân và nói :

— Cảm ơn cô, cảm ơn một ngàn lần.... Nhưng mà tôi ái ngại quá...

— Vì sao mà anh ái ngại ?

— Vì cô trả lời gấp cô không suy nghĩ cho kỹ.

— Em suy nghĩ kỹ rồi.

— Cô có nghĩ nếu cô ưng làm vợ tôi thì cô phải bỏ cái đời cao sang rực rỡ của cô mà sống với cái đời quê mùa vườn rẫy của tôi hay không ?

— Em có nghĩ chỗ đó. Cái đời cao sang rực rỡ là cái đời giả dối bề ngoài ; còn cái đời quê mùa vườn rẫy là cái đời chơn chánh ở trong. Đời cái giả dối mà lấy cái chơn chánh thì em không giục-giặc gì hết.

— Cô có nghĩ nếu cô ưng làm vợ tôi thì cô phải chịu một người chồng có cái tâm hồn áo nảo nên không vui vẻ gì hết hay không ?

— Em cũng có nghĩ chỗ đó. Em sẽ ra công sửa đổi cái tâm hồn áo nảo của chồng em ra cái tâm hồn hân hoan hỉ lạc.

— Cô có lòng từ thiện đến nỗi hủy bỏ cái cảnh đời vui vẻ để cứu tôi hay sao ?

— Phải. Em nhất định làm như vậy là vì em chắc em sẽ được hưởng hạnh phúc tràn trề.

— Cô có lòng can đảm đến nỗi dám ưng một người chồng có bệnh về tâm hồn hay sao ?

— Phải. Em dám làm như vậy là vì em chắc em sẽ trị bệnh cho chồng em được.

Nghe những lời thâm tình ấy Phúc cảm động quá, không thể hình tỉnh nữa được. nèn vùng đứng dậy bước lại đưa tay muốn nắm tay cô Lý, mà rồi Phúc ngừng lại, ngó cô Lý trân trân, nước mắt tuông đầm dề. Phúc ngó một chút rồi nói lớn : « Người tánh tình cao thượng như vậy thì đáng kính đáng trọng lắm. Tánh tình ấy không lẽ nào không được thưởng. Tôi xin thảo một trong vườn này, tôi xin nước suối chim rừng chung quanh đây

hãy rán giúp cho tôi xây nên cái nền hạnh phúc hoàn toàn để cho vợ tôi hưởng, đừng tôi đền đáp cái tình cao thượng của vợ tôi. »

Phúc phát hiện ai tình như vậy làm cho cô Lý vui lòng không biết chừng nào. Cô đứng dậy đối diện với Phúc rồi cười mà hỏi :

— Bây giờ anh còn sợ hai cái buồn nhập lại rồi nó lớn bằng hai nữa thôi ?

— Tôi hết sợ rồi. Tôi hết sợ là vì tôi chắc tôi sẽ quên cô Hạnh... À, cô Hạnh, cô chê tôi không có đủ tài lực mà làm cho cô hưởng được hạnh phúc há ? Cô đại lắm, cô lắm to ! Cô ran chổng mắt mà coi tôi. Cô sẽ ăn năn, cô sẽ tiếc cái hạnh phúc của cô mà cô không biết, cô để cho người khác hưởng. Cô sẽ ganh ghét cô Lý cho mà coi...

Cũng còn nhắc cô Hạnh ! Té ra chưa quên cô Hạnh được ,
Cô Lý nghe Phúc nhắc cô Hạnh liền bước thối lui và la lớn :
« Anh Phúc, nín đi. Em không muốn anh nhắc cô Hạnh. Anh đừng đem cô Hạnh mà so sánh với em chớ ».

Cô Lý nói mà sắc mặt cô giận lắm.

Phúc chắt lưỡi lắc đầu nói : « Xin cô tha lỗi cho tôi. Vì tôi còn nhớ cô Hạnh, nên tôi giận rồi tôi nói vậy. Đem cô mà để đứng ngang hàng với cô Hạnh thì nhục cô lắm. Tôi vô ý, nên tôi nói diên ».

Cô Lý hết giận mà rồi cô buồn. Cô ngó Phúc mà nói dịu ngọt :

— Em có thể kết nghĩa vợ chồng với anh được. Song em buộc : nh một điều, nếu anh chịu thì em mới ưng.

— Cô buộc điều chi ?

— Anh phải quên dứt cô Hạnh, anh không được nhớ đến người đó nữa.

Phúc lơ lửng dự dự một chút rồi mới đáp :

— Tôi sẽ làm y theo lời cô buộc.

— Anh dám hứa chắc như vậy hã ?

— Tôi hứa chắc.

— Vậy thì em nhất định hiệp với anh mà sùng bái chủ nghĩa gia đình, cho tròn đạo làm người. Thôi, bây giờ trở vào nhà coi chị Mỹ ngủ trưa đã thức dậy hay chưa.

(Còn nữa)

